

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 3 – 2024

“V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Huy Tùng.

2/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Q, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, đường N, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Châu Thị Oanh N, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Lâm Q trình bày:

Ông Lâm Q với bà Châu Thị Oanh N kết hôn với nhau vào năm 2019. Hai người đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 30/01/2019.

Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn hạnh phúc. Hai người ly thân từ năm 2022 đến nay.

Về con chung: Lâm Quân S, sinh ngày 25/11/2019. Hiện đang sống cùng bà N.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay ông Lâm Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Châu Thị Oanh N.
 - Về con chung: Đồng ý giao con cho bà N được quyền trực tiếp nuôi con. Ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi..
 - Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Bà Châu Thị Oanh N trình bày:* Bà N thừa nhận về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như ông Q trình bày là đúng. Tuy nhiên bà N không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bà Châu Thị Oanh N và ông Lâm Q đều vắng mặt nhưng nguyên đơn ông Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt còn bà N thì vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Lâm Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà Châu Thị Oanh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Lâm Q với bà Châu Thị Oanh N là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Hai người ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Đối với bà N không đồng ý ly hôn với lý do bà không có lỗi, ông Q là người có lỗi (sống chung với người phụ nữ khác). Trong tình cảm vợ chồng phải xây dựng và phát triển từ hai phía. Tại Tòa, trong quá trình hòa giải, ông Q cương quyết xin ly hôn. Hiện nay ông không còn tình cảm với bà N nữa. Nếu kéo dài cuộc hôn nhân này sẽ làm khổ cho cả hai và làm ảnh hưởng đến con cái. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ông Q yêu cầu được ly hôn với bà N là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Lâm Quân S, sinh ngày 25/11/2019. Hiện con đang sống cùng với bà N. Ông Q đồng ý giao con cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Xét thấy con đang sống cùng bà N nên yêu cầu của ông Q phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Q yêu cầu nên ông Q phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 59; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Lâm Q.
- Về hôn nhân: Ông Lâm Q được quyền ly hôn với bà Châu Thị Oanh N.
- Về con chung: Giao cháu Lâm Quân S, sinh ngày 25/11/2019 cho bà Châu Thị Oanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Q lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Q. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi.
- Thời gian và phương thức cấp dưỡng: Cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày 29/3/2024 (Nếu ngày cấp dưỡng ngay ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ thì được tính vào ngày làm việc tiếp theo).
- Địa điểm giao nhận tiền: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - + Bà Châu Thị Oanh N không phải nộp án phí.

+ Ông Lâm Q chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Ông Q được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002279 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy ông Q còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã A, huyện C, tỉnh S;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Hoàng